

TỰ DO TÍN NGƯỠNG TÔN GIÁO Ở TRUNG QUỐC^(*)

(Tiếp theo số trước)

IV. ỦNG HỘ QUYỀN ĐỘC LẬP VÀ TỰ CHỦ TRONG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO

Hoạt động tôn giáo Trung Quốc do tổ chức tôn giáo, chức sắc và tín đồ các tôn giáo tự giải quyết. Hoạt động tôn giáo và các tổ chức tôn giáo Trung Quốc không lệ thuộc vào bất cứ sự chi phối nào của nước ngoài. Chính phủ Trung Quốc ủng hộ các tôn giáo quản lý hoạt động tôn giáo của mình theo hiến pháp và pháp luật.

Nguyên tắc độc lập, tự chủ sáng tạo trong việc quản lý của các giáo hội là sự lựa chọn lịch sử của tín đồ các tôn giáo Trung Quốc, được coi như là một phần của cuộc đấu tranh của nhân dân Trung Quốc chống lại sự xâm lược và nô dịch hoá của chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc.

Sau chiến tranh Nha phiến năm 1840, Trung Quốc trở thành một nước nửa thuộc địa nửa phong kiến. Trong suốt quá trình này, Công giáo và Tin Lành phương Tây đã bị chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc sử dụng như một công cụ xâm lược Trung Quốc, và nhiều giáo sĩ của họ đã tích cực tham gia vào những hành động xấu xa.

- Các giáo sĩ tham gia vào việc buôn bán thuốc phiện và âm mưu gây ra chiến tranh Nha phiến do thực dân Anh cầm đầu chống lại Trung Quốc. Vào thế kỉ

XIX, giáo sĩ Robert Morison người Anh và giáo sĩ Karl Friedrich August Gutz người Đức, cả hai đều làm việc cho Công ti Đông Ấn, đã tham gia vào việc bán hạ giá thuốc phiện ở Trung Quốc. Một số giáo sĩ chủ trương dựa vào sức mạnh phương Tây để buộc nhà Thanh phải mở các cảng biển, với lập luận là chỉ có chiến tranh mới có thể buộc Trung Quốc mở cửa cho đạo Kitô vào. Những giáo sĩ này đã tham gia trực tiếp vào các hoạt động quân sự xâm lược Trung Quốc của quân đội Anh.

- Các giáo sĩ đã tham gia vào cuộc chiến năm 1900 do lực lượng liên quân (8 cường quốc) phát động chống lại Trung Quốc. Nhiều giáo sĩ đã trở thành hướng dẫn viên, phiên dịch viên và thông tin viên; tham gia tàn sát, cướp bóc tiền bạc và tài sản của người dân Trung Quốc. Theo Mark Twain, một nhà văn Mỹ danh tiếng, một số giáo sĩ đã bắt người nông dân nghèo Trung Quốc phải cống nạp nhiều gấp 13 lần so với bốn phận họ phải nộp, đẩy những người vợ và những đứa trẻ vô tội đến chỗ chết đói. Họ đã sử dụng tiền kiếm được từ việc cướp bóc như vậy để truyền bá Phúc âm.

^{*}. Dịch từ bản tiếng Anh: *Freedom of Religious Belief in China*. Information Office of the State Council of the People's Republic of China. Beijing October 1997.

- Các giáo sĩ đã trực tiếp tham gia vào việc soạn thảo các bản hiệp ước bất bình đẳng, như: Hiệp ước Trung - Anh ở Nam Kinh năm 1842, Hiệp ước Trung - Mỹ ở Vọng Hạ năm 1844, Hiệp ước Trung - Mỹ và Trung - Pháp ở Thiên Tân năm 1858 và Hiệp định Trung - Pháp ở Bắc Kinh năm 1860. Theo những hiệp ước bất bình đẳng này, các giáo sĩ Công giáo và Tin Lành phương Tây được thuê đất để xây dựng những cơ sở thờ tự trong các thương cảng và được các quan chức địa phương bảo vệ. Các giáo sĩ cũng có thể tự do thuê hoặc mua đất để xây dựng hoặc nhằm những mục đích khác trong các tỉnh. Quan chức địa phương Trung Quốc phải đối xử tốt và bảo vệ những giáo sĩ vào nội địa Trung Quốc để giảng đạo. Đồng thời, quan chức Trung Quốc không được ngăn cấm người dân bày tỏ đức tin tôn giáo, v.v...

- Các giáo sĩ được hưởng đặc quyền ngoại giao, không phải tuân theo luật pháp Trung Quốc. Các thế lực phương Tây đã đưa các giáo sĩ đến Trung Quốc để tăng cường bảo vệ các lãnh sự của chúng. Lợi dụng đặc quyền ngoại giao, một số giáo sĩ phương Tây dựa vào lực lượng đế quốc xâm lược đã tiến sâu vào nội địa Trung Quốc để xây dựng các nhà thờ và thành lập các giáo xứ. Họ gây áp lực để chiếm đất đai; đe dọa và đàn áp các quan chức và công dân Trung Quốc. Các giáo sĩ còn mở rộng đặc quyền ngoại giao cho tín đồ cải đạo người Trung Quốc và can thiệp vào công việc tư pháp Trung Quốc.

- Các giáo sĩ đã tăng cường sự kiểm soát của các thế lực phương Tây trên đất Trung Quốc với lí do "Những vụ án tôn giáo" (những vụ xung đột và bất đồng giữa người dân Trung Quốc và các giáo sĩ phương Tây). Núp dưới những hiệp ước bất bình đẳng, các giáo sĩ phương Tây

làm nhiều việc xấu xa, gây công phẫn trong dân chúng Trung Quốc. Trong giai đoạn từ giữa những năm 1840 đến năm 1900, có khoảng 400 trường hợp như vậy đã xảy ra ở Trung Quốc. Với lí do những vụ việc tôn giáo này, các thế lực phương Tây đã gây sức ép quân sự và chính trị đối với Chính phủ Trung Quốc. Họ đưa ra hàng loạt những đòi hỏi vô cớ và ép buộc Chính phủ Trung Quốc phải bồi thường, bắt bố và hành hình những người dân vô tội. Hơn nữa, họ còn phát động chiến tranh xâm lược với lí do như vậy. Chỉ riêng vụ việc ở Thiên Tân năm 1870, các thế lực phương Tây đã ép buộc chính quyền nhà Thanh hành hình 20 người và lưu đầy 25 người.

- Các giáo sĩ đã cản trở và chống đối cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa phát xít và cuộc cách mạng của nhân dân Trung Quốc. Sau khi Nhật chiếm vùng Đông Bắc Trung Quốc, Vatican đã bày tỏ lập trường ủng hộ phát xít Nhật xâm chiếm Trung Quốc. Vatican đi đầu trong việc công nhận Chính phủ bù nhìn Mãn Châu Quốc do Nhật dựng nên và cử đại diện tới đây. Sau kháng chiến chống phát xít Nhật thắng lợi, một số giáo sĩ phương Tây đã khuấy động sự thù địch trong tín đồ Công giáo đối với cuộc cách mạng nhân dân, thậm chí còn tổ chức các lực lượng vũ trang giúp quân Tưởng trong cuộc nội chiến.

- Các giáo sĩ đã có những hành vi thù địch và âm mưu phá hoại đối với Nhà nước Trung Hoa mới. Sau khi Nhà nước Trung Hoa mới được thành lập năm 1949, Vatican đã nhiều lần đưa ra thông điệp của Giáo hoàng nhằm xúi giục lòng hận thù của những tín đồ Công giáo Trung Quốc chống lại chính quyền nhân dân non trẻ.

Với vai trò xấu xa trong lịch sử Trung Quốc hiện đại, Công giáo và Tin Lành phương Tây đã điều khiển và kiểm soát các giáo hội Trung Quốc nhằm biến các giáo hội này phụ thuộc vào các hội truyền giáo và các tổ chức truyền giáo phương Tây. Trong hoàn cảnh như vậy, các giáo sĩ và tín đồ Trung Quốc không có chút quyền hành gì. Trong những năm 1940, trong số 20 tổng giám mục ở Trung Quốc thì 17 tổng giám mục là người nước ngoài, chỉ có 3 tổng giám mục là người Trung Quốc; tại 143 giáo xứ, có khoảng 110 giám mục người nước ngoài, chỉ có 20 giám mục là người Trung Quốc.

Một số tín đồ Kitô giáo Trung Quốc sớm bày tỏ mong muốn thoát khỏi sự kiểm soát và thành lập những tổ chức Kitô giáo độc lập. Tuy nhiên, trong một nước Trung Hoa nửa thực dân nửa phong kiến, các giáo hội Trung Quốc hoàn toàn không thể duy trì độc lập thực sự và hiện thực hoá việc tự quản.

Việc thành lập Nhà nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa đã chấm dứt kỉ nguyên xã hội nửa thuộc địa nửa phong kiến ở Trung Quốc, tạo điều kiện lịch sử cho Công giáo và Tin Lành Trung Quốc trở thành giáo hội độc lập và tự quản. Tháng 7/1950, 40 nhân vật lãnh đạo của các giáo hội tôn giáo khác nhau do Ngô Diệu Tông đứng đầu đã công bố "Tuyên ngôn Tam tự" với tiêu đề "Kitô giáo Trung Quốc đi theo con đường xây dựng một nước Trung Quốc mới", thể hiện thái độ của tín đồ Kitô giáo Trung Quốc ủng hộ Nhà nước Trung Quốc mới, sự quyết tâm thoát khỏi ảnh hưởng của chủ nghĩa đế quốc và thực hiện mục đích "Tam tự" (tự quản, tự dưỡng và tự truyền) của các Giáo hội Kitô giáo Trung Quốc.

Tháng 9/1950, 1.527 nhà lãnh đạo Kitô giáo đã kí vào bản "Tuyên ngôn Tam tự". 3 - 4 năm sau đó, khoảng trên 400.000 người, tức 2/3 tổng số tín đồ Kitô giáo trên toàn quốc cũng đã kí vào văn kiện này. Kể từ đó, các tín đồ Kitô giáo Trung Quốc tuân theo nguyên tắc "Tam tự".

Tháng 11/1950, hơn 500 tín đồ Công giáo ở hạt Quảng Nguyên, tỉnh Tứ Xuyên đã công bố "Tuyên ngôn Phong trào cải cách Công giáo về Tự dưỡng", chủ trương cắt bỏ quan hệ với chủ nghĩa đế quốc trên tất cả các bình diện, thành lập những nhà thờ mới trên cơ sở tự quản, tự dưỡng và tự truyền. Bản Tuyên ngôn đã được các giáo sĩ và tín đồ Công giáo mọi miền của Trung Quốc hoan nghênh. Mặc dù Vatican luôn tiến hành những hoạt động chính trị chống đối Nhà nước Trung Quốc mới, Giáo hội Công giáo Trung Quốc vẫn báo cáo Vatican việc bổ nhiệm 1 quyền giám mục và 2 giám mục, được lựa chọn trong các năm 1957 và 1958 để Vatican công nhận. Song Vatican từ chối công nhận, hơn thế, còn đe dọa sẽ trừng phạt nặng, điều đó đã xúc phạm đến tình cảm của những người Công giáo Trung Quốc. Kể từ đó, Giáo hội Công giáo Trung Quốc kiên quyết đi theo đường hướng tự lựa chọn, tự bổ nhiệm các giám mục và độc lập quản lí các nhà thờ. Trong hoạt động tín ngưỡng tôn giáo, Công giáo Trung Quốc cũng sinh hoạt giống như Công giáo ở nhiều nơi trên thế giới, nhưng trong quản lí hành chính, tất cả công việc nội bộ được xử lí theo quyết định của Giáo hội Công giáo Trung Quốc độc lập.

Trong vài thập kỉ qua, Công giáo và Tin Lành Trung Quốc kiên trì nguyên tắc độc lập và tự quản. Nguyên tắc này đã được đông đảo tín đồ đồng tình ủng hộ, giúp cho Giáo hội và các hoạt động tôn

giáo phát triển một cách vững chắc. Hiện nay, tổng số tín đồ Kitô giáo Trung Quốc tăng 14 lần so với năm 1949. Công giáo Trung Quốc có 115 giáo xứ dưới sự quản lý của các giám mục và linh mục Trung Quốc.

Trung thành với nguyên tắc độc lập và tự quản, các tôn giáo Trung Quốc tích cực tiếp xúc và giao lưu với nhiều đối tác toàn thế giới trên cơ sở bình đẳng và hữu nghị. Trung Quốc thường xuyên mở cửa đối với các tổ chức và cá nhân tôn giáo nước ngoài thân thiện, tôn trọng chủ quyền, nguyên tắc độc lập và tự quản của tôn giáo Trung Quốc. Công giáo và Tin Lành Trung Quốc duy trì các quan hệ tiếp xúc thân thiện với giáo hội ở nhiều quốc gia. Tháng 2/1991, Hội đồng Công giáo Trung Quốc đã chính thức gia nhập Hội đồng Giáo hội Công giáo Thế giới. Giáo hội Công giáo Trung Quốc đã cử đại diện tham dự một số hội nghị tôn giáo quốc tế, như Hội nghị Thế giới lần thứ V về Tôn giáo và Hoà bình, Ngày Giới trẻ Công giáo Thế giới, v.v... Những năm gần đây, các giáo hội Trung Quốc gửi nhiều sinh viên du học ở nước ngoài, mời các giảng viên và học giả nước ngoài giảng dạy tại các Trường viện Thần học Trung Quốc. Các cuộc trao đổi quốc tế hữu nghị của Phật giáo, Đạo giáo và Islam giáo Trung Quốc cũng tăng lên.

Chính phủ Trung Quốc luôn kiên trì thực hiện chính sách ngoại giao hoà bình, độc lập và tích cực đưa ra những sáng kiến mong muốn cải thiện quan hệ với Vatican. Tuy nhiên, quá trình này đòi hỏi 2 điều kiện cơ bản: Thứ nhất, Vatican cần chấm dứt cái gọi là quan hệ ngoại giao với Đài Loan; công nhận Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa là chính phủ hợp pháp duy nhất ở Trung Quốc; và Đài Loan là một bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ

Trung Quốc. Thứ hai, Vatican không được lấy lý do tôn giáo để can thiệp vào công việc nội bộ của Trung Quốc. Mối quan hệ giữa Trung Quốc và Vatican là quan hệ giữa hai quốc gia. Do vậy, chỉ khi quan hệ giữa hai quốc gia được cải thiện thì các vấn đề tôn giáo mới có thể được thảo luận. Dù mối quan hệ giữa Trung Quốc và Vatican có thay đổi hay không, Chính phủ Trung Quốc cũng sẽ luôn ủng hộ Giáo hội Công giáo Trung Quốc nêu cao chủ nghĩa yêu nước, thực hiện nguyên tắc độc lập, tự quản, tự lựa chọn và bổ nhiệm giám mục.

V. BẢO VỆ QUYỀN TỰ DO TÍN NGƯỠNG TÔN GIÁO CỦA DÂN TỘC THIỂU SỐ

Trung Quốc là một quốc gia thống nhất gồm nhiều dân tộc khác nhau. Chính phủ Trung Quốc thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau giữa tất cả các dân tộc; tôn trọng và bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo và tập tục dân gian của các dân tộc thiểu số. "Luật Tự trị khu dân tộc" của Nhà nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa quy định: "Các cơ quan chính quyền tự trị ở các khu tự trị phải bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo cho công dân thuộc tất cả các dân tộc".

Trong khi thực hiện nỗ lực thúc đẩy tiến bộ trong lĩnh vực kinh tế, văn hoá, giáo dục và những nhiệm vụ khác tại các vùng dân tộc thiểu số sinh sống, nhằm cải thiện điều kiện vật chất và văn hoá của cư dân các dân tộc thiểu số (bao gồm tín đồ của nhiều tôn giáo), Chính phủ Trung Quốc đặc biệt chú ý đến tín ngưỡng tôn giáo và bảo vệ các di sản văn hoá của họ. Nhiều chương trình đặc biệt được tiến hành để khảo sát, thu thập, phân loại, nghiên cứu và giới thiệu những di sản văn hoá - bao gồm văn hoá tôn giáo - và nghệ thuật dân gian của tất cả các dân

tộc. Bên cạnh đó, Nhà nước còn đầu tư lớn để giữ gìn và tái tạo nhiều ngôi chùa, thánh đường và những vật dụng tôn giáo quan trọng khác có giá trị về lịch sử và văn hoá tại các vùng dân tộc thiểu số.

Tây Tạng là một trong những khu tự trị dân tộc của Trung Quốc. Người dân Tây Tạng phần lớn tin theo Phật giáo Tây Tạng. Kể từ khi giải phóng hoà bình Tây Tạng vào năm 1951, đặc biệt từ khi thực hiện chính sách cải cách và mở cửa năm 1979, quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo của công dân được thực hiện một cách triệt để khắp vùng Tây Tạng. Trong những năm 1980, chính quyền trung ương đã cấp hơn 200 triệu nhân dân tệ trong quỹ đặc biệt để bảo quản và tôn tạo Cung Potala nổi tiếng và các tự viện như Jokhang, Tashilhunpo và Samye. Nhà nước cũng thành lập các quỹ đặc biệt trợ giúp công tác sưu tầm, xuất bản Đại Tạng Kinh bằng tiếng Tây Tạng và những kinh điển Phật giáo Tây Tạng khác; thành lập “Trường cao cấp Phật học tiếng Tây Tạng” ở Bắc Kinh và “Trường Cao đẳng Phật học Tây Tạng” ở Lhasa.

Hiện nay, ở Tây Tạng có trên 1.700 cơ sở dành cho các hoạt động Phật giáo với tổng số 46.000 tăng ni. Nơi cầu nguyện hoặc Phật điện có trong mọi gia đình tín đồ Phật giáo. Hằng năm, số người hành hương đến Lhasa khoảng hơn 1 triệu. Tín đồ thực hiện các nghi lễ cầu nguyện sự che chở của Phật; những phiến đá Mani khắc Kinh Phật có thể thấy khắp nơi ở Tây Tạng. Bên cạnh đó, các hoạt động tôn giáo diễn ra trong suốt lễ hội hằng năm; việc thực hành những nghi thức tôn giáo truyền thống xung quanh ngọn núi *Kangri* trong năm Con Ngựa và xung quanh hồ *Namco* và trong năm Con Cừu dọc theo con đường hành hương được đông đảo quần chúng rất quan tâm.

Sự đầu thai của nhân vật thần thánh, hay “Phật sống”, một hình thức duy nhất của sự truyền thừa Phật giáo Tây Tạng, đã được Nhà nước công nhận và tôn trọng. Năm 1992, Cục Tôn giáo Quốc vụ viện Trung Quốc đã phê chuẩn sự kế vị của Phật sống Karmapa XVII. Năm 1995, Trung Quốc đã kết thúc thành công việc tìm kiếm và xác định sự đầu thai của Ban Thiền Lạt Ma X, ban tước vị và đăng quang của Ban Thiền Lạt Ma XI sau khi rút thăm từ chiếc bình vàng theo các nghi lễ tôn giáo và tập quán truyền thống của Phật giáo Tây Tạng, với sự thông qua của Hội đồng Nhà nước. Những hoạt động kể trên thể hiện rõ một thực tế là quyền tự do tôn giáo của người dân Tây Tạng được tôn trọng và bảo vệ, do vậy đã giành được sự tán thành và ủng hộ của đồng bào có đạo ở Tây Tạng.

Liên quan đến vị trí đặc biệt của vị Đại Phật sống trong đời sống xã hội của người dân Tây Tạng, trong quá khứ, nhà Minh (1368- 1644) và nhà Thanh (1644- 1911) đã quy định việc công nhận sự đầu thai của Phật sống thuộc thẩm quyền của chính quyền trung ương, trong khuôn khổ pháp luật và quy chế của nhà nước. Năm 1792, chính quyền nhà Thanh đã ban hành quy định công nhận sự đầu thai của vị Đại Phật sống trên hàng Phật sống bình thường được thực hiện qua việc rút thăm từ chiếc bình vàng. Sau đó, quy định này được phát triển thành thể chế mang tính lịch sử và đã được tiếp nhận như là nghi thức tôn giáo thường xuyên của Phật giáo Tây Tạng. “Linh đồng” (Soul boy) được xác định qua việc rút thăm từ chiếc bình vàng cũng như việc đầu thai của Phật sống phải được thông báo tới chính quyền trung ương để thông qua trước lễ lên ngôi chính thức. Trong một số

trường hợp đặc biệt, việc rút thẻ có thể bị hoãn lại, nhưng phải thông báo tới chính quyền trung ương trước khi phê chuẩn. Việc thực hiện rút thẻ từ chiếc bình vàng không chỉ xác nhận quyền lực tối cao của chính quyền trung ương và chủ quyền của nhà nước mà còn thể hiện "Vai trò quyết định của Phật Pháp Đức Phật Thích Ca Mâu Ni". Từ năm 1792, trong hệ thống truyền thừa đầu thai của Đại Phật sống Phật giáo Tây Tạng đã xác định được trên 70 "Linh đồng" bằng cách rút thẻ từ chiếc bình vàng và sự phê chuẩn của chính quyền trung ương. Do vậy, việc chính quyền trung ương phê chuẩn Phật sống, một nghi lễ tôn giáo, một quy ước lịch sử, là chìa khoá bảo đảm sự bình ổn của Phật giáo Tây Tạng.

Chính phủ Trung Quốc cũng tôn trọng và bảo vệ tự do tín ngưỡng tôn giáo của tín đồ Islam giáo cũng như những phong tục dân gian của họ. Các ban, ngành hữu quan của Chính phủ đã cung cấp đầy đủ các dịch vụ, đặc biệt là những dịch vụ cho những tín đồ Islam giáo đi hành hương, việc làm này rất được hoan nghênh. Từ những năm 1980, hơn 40.000 tín đồ Islam giáo Trung Quốc đã đi hành hương đến Thánh địa Mecca. Chỉ riêng ở khu tự trị Duy Ngô Nhĩ ở Tân Cương đã có hơn 23.000 thánh đường với 29.000 chức sắc, đáp ứng được những nhu cầu về đời sống tôn giáo của tín đồ. Với sự quan tâm sâu sắc đến những thói quen ăn kiêng và nghi lễ ma chay của người dân tộc thiểu số theo đạo Islam, Chính phủ Trung Quốc đã ban hành quy chế về những thực phẩm ăn kiêng làm theo kiểu của người theo Islam giáo và lập ra những nghĩa trang dành riêng cho tín đồ Islam giáo. Những năm gần đây, các cơ quan tư pháp Trung Quốc đã bảo vệ quyền hợp pháp của tín đồ Islam giáo. Một số trường

hợp liên quan đến những xuất bản phẩm gây tổn thương đến tình cảm của tín đồ Islam giáo đã bị xử lý theo pháp luật.

Chính phủ Trung Quốc kiên quyết phản đối mọi âm mưu lợi dụng chiêu bài dân tộc, sự cuồng tín tôn giáo để chia cắt đất nước, chia rẽ nhân dân, làm phương hại đến tình đoàn kết giữa các dân tộc, tham gia vào các hoạt động trái pháp luật và hoạt động khủng bố. Đồng thời, Chính phủ Trung Quốc kiên quyết thực hiện đoàn kết toàn dân tộc, ổn định xã hội trong những vùng dân tộc thiểu số sinh sống, bảo vệ những hoạt động tôn giáo bình thường của những tín đồ dân tộc thiểu số.

Chính phủ Trung Quốc tôn trọng những nguyên tắc chung liên quan đến tín ngưỡng tôn giáo của cộng đồng quốc tế, và cho rằng những nguyên tắc này cần được áp dụng phù hợp trong các điều kiện cụ thể, phù hợp với luật pháp của mỗi quốc gia. Chính phủ Trung Quốc phản đối việc tạo ra những mối bất hoà trong tôn giáo và sự can thiệp vào công việc nội bộ của một quốc gia khác dưới danh nghĩa tôn giáo.

Một thực tế rõ ràng rằng, kể từ khi thành lập Nhà nước Trung Hoa mới, đặc biệt trong 2 thập kỷ gần đây khi Trung Quốc thực hiện chính sách cải cách và mở cửa, những tiến bộ đáng kể về nhân quyền và tự do tín ngưỡng tôn giáo của người dân Trung Quốc được tôn trọng và bảo vệ một cách đầy đủ. Chính phủ Trung Quốc đã, đang và sẽ thường xuyên nỗ lực bảo vệ nhân quyền, đặc biệt là quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo cho người dân Trung Quốc./

Người dịch: Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Người hiệu đính: Trần Nghĩa Phương, Lê Tâm Đức